

Bản án số: 65/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 14/10/2019

“V/v: Yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PLEIKU, TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Xuân Hồng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Doãn Thị Lệ.

2. Bà Tô Thị Lành

- Thư ký phiên tòa: bà Phạm Thị Ngọc Yến - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: bà Cao Thảo Nga - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 10 năm 2019, tại Tòa án nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 541/2019/TLST- HNGĐ ngày 26 tháng 7 năm 2019, về tranh chấp: “Yêu cầu ly hôn và tranh chấp về nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 84/2019/QĐXXST - HNGĐ ngày 17 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lê Thị Mỹ U, sinh năm 1987.

Địa chỉ: thôn 3, xã A, TP.Pleiku, Gia Lai, có mặt.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Đức V, sinh năm 1982.

Địa chỉ: thôn 3, xã A, TP.P, Gia Lai, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 24/ 7/2019, bản tự khai và trong quá trình xét xử, ngU đơn là chị Lê Thị Mỹ U trình bày:

Chị U và anh V tự nguyện tìm hiểu và đi đến hôn nhân; có đăng ký kết hôn tại UBND xã A, TP.Pleiku, Gia Lai vào năm 2010. Quá trình chung sống vợ chồng chúng tôi sống hạnh phúc được thời gian, đến thời gian gần đây thì chị U và anh V bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do chị U và anh V bất đồng quan điểm sống, giữa hai vợ chồng không thể nào có tiếng nói chung, anh V thường xuyên gây ra nợ nần và tôi phải gánh vác những khoản nợ nói trên, ngoài ra anh V còn đánh đập tôi, nên tôi đã quá sức chịu đựng, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm

trọng, tình cảm không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, chị U yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về hôn nhân: Chị U yêu cầu giải quyết ly hôn với anh Nguyễn Đức V.
- Về con chung: anh chị có 02 con chung: Nguyễn Lê Hoàng N; sinh ngày 19/11/2011 và cháu Nguyễn Lê Hoàng T, sinh ngày 11/11/2014. Ly hôn chị U có nguyện vọng được nuôi cả hai con và yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con với mức 1.000.000đ/tháng/cháu.
- Về tài sản chung và nợ chung: chị U không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Đức V trình bày:

Về việc mâu thuẫn như lời vợ tôi trình bày là có, thời gian vừa qua trong lúc nóng giận tôi đã đánh vợ, vì không làm chủ được bản thân nhưng thật lòng tôi còn yêu thương vợ con và muốn quay trở lại để đoàn tụ, tôi không muốn con mình thiếu đi tình cảm của cha mẹ, ly hôn sẽ là sự thiệt thòi đối với các con tôi, vì vậy tôi không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Chúng tôi có 02 con chung là cháu Nguyễn Lê Hoàng N; sinh ngày 19/11/2011 và cháu Nguyễn Lê Hoàng T, sinh ngày 11/11/2014. Trường hợp cô U giành quyền nuôi con tôi đồng ý và cấp dưỡng mỗi con 1.000.000đ/tháng.

- Về tài sản chung và nợ chung: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa:

* Ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký tòa án trong quá trình giải quyết vụ án thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng: NgU đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng. Bị đơn không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng: Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhưng bị đơn vắng mặt tại phiên tòa.

* Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Áp dụng khoản 1 Điều 56; các Điều 58, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Đề nghị xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân thành phố Pleiku nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Chị Lê Thị Mỹ U có đơn yêu cầu tòa án giải quyết cho được ly hôn với anh Nguyễn Đức V, cư trú tại: thôn 3, xã A, TP.P, tỉnh Gia Lai. Vì vậy, căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố Pleiku thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

Bị đơn là anh Nguyễn Đức V đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Lê Thị Mỹ U và anh Nguyễn Đức V kết hôn trên cơ sở tự nguyện và đã được Ủy ban nhân dân xã A, TP.P, tỉnh Gia Lai cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 84 ngày 18-10-2010. Vì vậy, quan hệ hôn nhân của chị U và anh V là hợp pháp.

Quá trình chung sống chị U cho rằng anh V không quan tâm tới gia đình, giữa vợ chồng chị bất đồng quan điểm sống, không thể nào có tiếng nói chung, anh V thường xuyên gây ra nợ nần và chị U phải gánh vác những khoản nợ nói trên, ngoài ra còn đánh đập chị U, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm không còn, hiện chị U và anh V không còn quan tâm gì tới nhau. Theo biên bản xác minh ngày 16-9-2019 (Bút lục số 35) có xác nhận của Ủy ban nhân dân phường xã A, TP.P, TP. Pleiku, Gia Lai thể hiện anh Nguyễn Đức V hiện đang sinh sống tại địa phương tại thôn 3, xã A, TP.P, Gia Lai. Việc vợ chồng anh V và chị U có mâu thuẫn, xung đột và đã được chính quyền địa phương hòa giải nhưng không đạt kết quả. Vì vậy, Hội đồng xét xử có cơ sở khẳng định mâu thuẫn vợ chồng của chị U và anh V đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lê Thị Mỹ U.

[3] Về con chung: Chị U và anh V có 02 con chung là cháu Nguyễn Lê Hoàng N; sinh ngày 19/11/2011 và cháu Nguyễn Lê Hoàng T, sinh ngày 11/11/2014. Ly hôn chị U có nguyện vọng được nuôi cả hai con và yêu cầu anh V cấp dưỡng cho các con với mức 1.000.000đ/tháng/cháu, các con hiện đang sống cùng với mẹ và cháu Nguyễn Lê Hoàng N cũng có nguyện vọng được tiếp tục sống với mẹ. Do đó, căn cứ khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, cần chấp nhận yêu cầu xin được nuôi con của chị U.

[4] Việc cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn: Chị U yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con với mức 1.000.000đ/ tháng/cháu, xét thấy yêu cầu của Chị U là có căn cứ cần chấp nhận.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Chị U và anh V không yêu cầu Tòa án giải quyết, do vậy Tòa án không đề cập đến.

[6] Về án phí: Chị U là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000đồng. Anh V phải chịu 300.000đ tiền án phí cấp dưỡng nuôi con theo định kỳ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 1 Điều 56; các Điều 58, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Mỹ U.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Lê Thị Mỹ U và anh Nguyễn Đức V.

2. Về con chung:

Giao con chung là cháu Nguyễn Lê Hoàng N; sinh ngày 19/11/2011 và cháu Nguyễn Lê Hoàng T, sinh ngày 11/11/2014 cho chị Lê Thị Mỹ U được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Buộc anh Nguyễn Đức V phải cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Lê Hoàng N; sinh ngày 19/11/2011 và cháu Nguyễn Lê Hoàng T, sinh ngày 11/11/2014 với mức 1.000.000/tháng/cháu cho đến khi các con thành niên và tự lập hoặc đã thành niên nhưng mất năng lực hành vi và không có khả năng nuôi sống mình. Thời hạn cấp dưỡng tính từ tháng 10/ 2019.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi con.

Nếu người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật; Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn.

3. Về án phí: Chị Lê Thị Mỹ U phải chịu 300.000đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 300.000đồng theo biên lai số 0001735 ngày 25-7-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai. Chị U đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm. Anh Nguyễn Đức V phải chịu 300.000đ, tiền án phí cấp dưỡng nuôi con.

Nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tU án, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- VKSND Tp. Pleiku;
 - Chi cục THADS Tp Pleiku;
 - TAND tỉnh Gia Lai;
 - UBND xã A, TP.Pleiku, Gia Lai.
- (Giấy CNKH số 84 ngày 18-10-2010);
- Các đương sự;
 - Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Xuân Hồng